

TỎ LÒNG

(Thuật hoài)

(1 tiết)

PHẠM NGŨ LÃO

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Hiểu được lí tưởng cao cả và khí phách anh hùng của tác giả – một vị tướng giỏi thời Trần trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.
- Thấy được những hình ảnh có sức diễn tả mạnh mẽ của bài thơ.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Về thời điểm ra đời của bài thơ

Phạm Ngũ Lão (1255 - 1320) từng tham gia hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên lần thứ hai và lần thứ ba. Hai cuộc kháng chiến này, mỗi cuộc diễn ra không đầy nửa năm.

Câu mở đầu "Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu" cho thấy bài thơ không phải được làm khi ông "đang tung hoành nơi trận mạc", mà là trong thời gian chuẩn bị cuộc kháng chiến lần thứ hai.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, vào tháng 11- 1282, sau khi nghe tin nhà Nguyên sẽ đem năm mươi vạn quân, giả tiếng mượn đường đánh Chiêm Thành, thực ra là nhằm xâm lược nước ta, vua Trần ra Bình Than mở hội nghị vương hầu bách quan. Cuộc hội nghị này có mục đích "bàn kế đánh phòng" và "chia quân giữ nơi hiểm yếu". Ngay sau hội nghị, Phạm Ngũ Lão và các tướng khác được cử đi trấn giữ ở các cửa ải quan trọng, suốt biên giới phía bắc đến Chi Lăng (thuộc Lạng Sơn ngày nay). Tính đến ngày quân Mông – Nguyên tấn công vào biên giới nước ta (27-1-1285) thì thời gian quân triều đình đóng ở các cửa ải khoảng trên hai năm. Do vậy, có thể phỏng đoán : Phạm Ngũ Lão làm bài *Tổ lòng* vào cuối năm 1284, khi cuộc kháng chiến lần thứ hai đã đến rất gần.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phân mở đầu

Đây là bài thơ tỏ chí của Phạm Ngũ Lão, một vị tướng giỏi thời Trần. Khi làm bài thơ này, ông mới trạc ba mươi tuổi.

2. Phân tổ chức dạy học

– Gọi HS đọc bài thơ, bản chữ Hán, bản dịch nghĩa và dịch thơ.

– Kiểm tra HS cách hiểu các chú thích trong SGK. Lưu ý các từ ngữ như : *khí thế nuốt trâu, Vũ hầu*.

– Phân tích bài thơ kết hợp với việc thực hiện các câu hỏi trong phần *Hướng dẫn học bài*.

Vài nét về cách hiểu bài thơ

Chữ "kháp" trong câu 1 bài này một số bản phiên âm đọc là "cáp". Nay tra lại *Tự điển Hán Việt* của Thiều Chửu, ghi là "kháp", nên sửa lại.

Bài thơ có nhan đề chữ Hán là *Thuật hoài*. "Thuật" là kể, bày tỏ ; "hoài" là nỗi lòng, dịch thành *Tổ lòng*, nghĩa là bày tỏ khát vọng, hoài bão trong lòng. Chủ thể trữ tình ở đây là vị tướng chỉ huy quân đội làm nhiệm vụ trấn giữ non sông Tổ quốc.

– Hai câu 1, 2 : tác giả bày tỏ niềm tự hào về quân đội của mình ; trong đó có bản thân người làm tướng.

+ "Cầm ngang ngọn giáo" khắc họa được tư thế hiên ngang, lẫm liệt, vững chãi hơn động tác "múa giáo" ; "chấn mấy thu" nói về thời gian còn ngắn ngủi.

+ Hình ảnh *ba quân* "khí thế nuốt trâu" thể hiện khí thế dũng mãnh "Sát Thát" của quân đội, sẵn sàng lăn xả vào bọn giặc dữ, một khi chúng ô ạt tràn tới.

– Hai câu 3, 4 nói lên khát vọng phụng sự nhà Trần cho đến hết đời, lập được công danh sánh ngang với Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng (Khổng Minh) là quân sư của Lưu Bị, mưu trí tuyệt vời, song điểm làm cho Gia Cát Lượng nổi tiếng là lòng tuyệt đối trung thành với chủ. Ông có câu văn bộc lộ lòng mình : "Cúi mình tận tụy, đến chết mới thôi". Liên hệ với câu 1, ta thấy Phạm Ngũ Lão mới phụng sự được có mấy thu, muốn được như Gia Cát Lượng thì phải phụng sự nhiều lắm. Câu 4 "Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu" thực chất là một lời thề suốt đời tận tụy với chủ tướng Trần Hưng Đạo.

Như thế, ta có thể hiểu vì sao Phạm Ngũ Lão "thẹn". Cũng có thể hiểu "thẹn" là cách nói thể hiện khát vọng, hoài bão muốn sánh với Vũ hầu.

3. Phần củng cố

Qua bài thơ *Tỏ lòng*, chúng ta thấy được :

– Khí thế hào hùng của cả một thời đại và hoài bão lớn lao của vị tướng trẻ tuổi, muốn có sự nghiệp lẫy lừng như Gia Cát Lượng (phò vua, giúp nước).

– Nghệ thuật dùng hình ảnh biểu tượng hàm súc, có ý nghĩa sâu xa.

IV — HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BÀI TẬP NÂNG CAO

"Tang bồng hồ thi" là cách nói khác của cụm từ "tang hồ bồng thi", nghĩa là cung bằng cành dâu, tên bằng cỏ bồng, người xưa dùng để bắn ra sáu phương, ngụ ý người con trai về sau sẽ tung hoành giữa trời cao đất rộng, làm cho thiên hạ biết công lao, danh tiếng của mình. Nổi danh có nhiều dạng : nổi danh do đạo cao đức trọng, giữ nhân, nghĩa, tín ; nổi danh do chiến công đánh dẹp ; nổi danh do có tài văn thơ ; nổi danh do có công khai hoang lập ấp,... Người nam nhi thời trung đại coi đó là món nợ đời mà phải trả được thì cuộc sống mới có ý nghĩa. Đó chính là lí tưởng nam nhi của người xưa. Trả được nợ công danh thì "công thành danh toại". Bài *Nợ nam nhi* của Nguyễn Công Trứ đã nói rõ các nội dung cụ thể của cái nợ công danh đó : nợ nghĩa vụ đối với vua và với cha (quân thân), thực hiện lí tưởng vì dân, vì nước để được phong tước : "Hơn nhau một tiếng công hầu". Lí tưởng công danh của Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Công Trứ giống nhau ở chỗ cùng xem

công danh là món nợ nam nhi, cùng lấy việc trung quân, báo quốc làm lẽ sống, cùng ước mơ được phong tước vị cao trong xã hội.

Lí tưởng công danh đó có phần cao cả và hấp dẫn. Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Công Trứ đều là những nhân vật lịch sử đạt được công danh đáng hâm mộ.

Trong trường hợp vì ham công danh mà tham gia vào các cuộc chiến phi nghĩa thì lại là gây đau thương cho người khác và cho chính mình. Ví dụ, người phụ nữ trong bài *Nỗi oán của người phòng khuê* (*Khuê oán* – Vương Xương Linh) đã hối hận sau khi đã khuyên chồng ra trận mong được "phong hầu", hoặc như "Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt" trong *Chinh phụ ngâm* đã ra đi, để lại biết bao sầu khổ cho người chinh phụ. Còn nếu chạy theo danh lợi, dối trá, đê tiện, làm việc phi nghĩa thì "thân bại danh liệt", để tiếng xấu muôn đời.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Một số ý kiến có quan hệ đến cách hiểu bài thơ *Tỏ lòng* :

+ Trần Quốc Tuấn nói với vua Trần Anh Tông lúc ông bị bệnh nặng sắp mất (1300) : "Đại khái quân giặc cậy vào trường trận, ta cậy vào đoản binh, lấy đoản chống trường là sự thường trong binh pháp. Nếu thấy giặc lướt đến như lửa như gió thì dễ chống lại thế giặc. Nếu chúng dùng cách chiếm cứ dần như tầm ăn dâu, không lấy của dân, không chóng được, thì mình phải dùng tướng giỏi, xét tình thế biến chuyển như người đánh cờ, tùy theo thời cơ mà chế biến" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, quyển 6).

+ Trương Phổ – một học giả đời Minh bình luận : "Trần Nam Vương Thoát Hoan tiến binh, vua An Nam – Trần Nhật Huyền (chỉ Trần Thánh Tông) đem quân chống lại, quân Thoát Hoan tuy có ngựa mạnh, rong ruổi nhanh như chớp đánh thành phá ấp, nhưng giữa đường quay giáo lui, quân lính tan nát. Trong chốn cửa quân kia, Toa Đô, Lí Hằng đồng thời tử chiến,... Thoát Hoan xuất quân lần nữa, Nhật Huyền chạy đi để rồi đón lúc về, đánh lúc mệt, quân Nguyên lại thất bại. Đó là vì quân kia tránh cái thế hăng hái lúc ban mai, đánh khi tàn lụi lúc buổi chiều, giấu mình nơi biển khơi, phục quân chốn ải hiểm, quân Nguyên tuy hùng hổ kéo đến chưa từng thấy được một trận. Có thể nói là Nhật Huyền có tài dùng binh vậy" (theo sách *Nguyên sử kỉ sự bản mật*).

– Tham khảo : Trần Đình Sử, bài *Thuật hoài* (*Tỏ lòng*), trong sách *Độc văn, học văn*, NXB Giáo dục, 2003.